

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp
- Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim M**, sinh năm 1983 (Đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài T**, sinh năm 1981 (Đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/6/2023 nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M trình bày:

Bà Phạm Thị Kim M và Nguyễn Hoài T cưới nhau năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 6/2021 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc bà và ông T đã sống ly thân khoảng từ tháng 6/2021 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông T có ba con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 30/9/2003 đã trưởng thành, Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và

Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 hiện đang sống cùng bà M, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nay bà Phạm Thị Kim M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Hoài T; Về con chung: Nguyễn vọng của con theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài T:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Hoài T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và ông không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim M.

- *Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay bà M ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M, tuyên bố giữa bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T không phải là vợ chồng; Về con chung giao 02 con chung là Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Phạm Thị Kim M tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con mà My không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân dân và gia đình. Do đó, hôn nhân giữa Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T là hôn nhân không hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim M, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi cưới bà M và ông T sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, cuộc sống hôn nhân không dung hòa được, bà M và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Do bà Phạm Thị Kim M và ông

Nguyễn Hoài T không có kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 30/9/2003 đã trưởng thành, Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 hiện đang sống cùng bà M. Xét thấy, đối với con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 30/9/2003 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với 02 con chung là Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 hiện đang sống cùng bà M, trong đơn khởi kiện cũng như đơn xin xét xử vắng mặt bà M có trình bày về con chung “*nếu các con muốn sống với bà thì bà đồng ý nuôi*” đối với các cháu Sơn, Bảo tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2023 thể hiện 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà M. Dó đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Phạm Thị Kim M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Hoài T.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Kim M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thái S, sinh ngày 14/5/2007 và Nguyễn Hoài B, sinh ngày 29/5/2014 cho bà Phạm Thị Kim M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hoài T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hoài T phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim M phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009403 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà M đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm